

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo quyết định số: 1621/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 19 tháng 7 năm 2013
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

Tên chương trình: **Công nghệ kỹ thuật công trình XD dân dụng và công nghiệp
(Civil and Industrial Construction Engineering Technology)**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng**
Mã ngành: **52510102**
Loại hình đào tạo: **Chính quy (Liên thông từ Cao đẳng)**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Đại học Công nghệ kỹ thuật công trình XD dân dụng và công nghiệp liên thông lên từ cao đẳng chính quy nhằm trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kỹ thuật chuyên môn toàn diện, năng lực tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng nhanh với những biến đổi trong lĩnh vực công nghệ xây dựng dân dụng và công nghiệp; có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức được đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Có kiến thức khoa học cơ bản và cơ sở cần thiết để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;
- Có kiến thức chuyên môn toàn diện để giải quyết các vấn đề về: Lập và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Thiết kế, thiết kế thi công, chỉ đạo thi công, kiểm định chất lượng, khai thác và bảo trì công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Có năng lực nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tổng hợp giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực chuyên ngành.

1.2.2. Kỹ năng

- Lập, tổ chức thực hiện, quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế; thiết kế thi công; tổ chức thi công; kiểm tra và nghiệm thu chất lượng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Quản lý, khai thác, kiểm định được chất lượng công trình dân dụng và công nghiệp;

- Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành trong thiết kế, thi công, quản lý khai thác công trình dân dụng và công nghiệp;
- Phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, khả năng trình bày, giao tiếp và làm việc hiệu quả theo nhóm;
- Hội nhập được với môi trường quốc tế trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, để nghiên cứu, ứng dụng hiệu quả tiến bộ khoa học - công nghệ trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp.

1.2.3. Thái độ

- Ý thức được tầm quan trọng của lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp đối với phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh; rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân trong việc chấp hành pháp luật, đóng góp cho ngành xây dựng công trình và sự phát triển của đất nước;
- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, trau dồi kiến thức, khả năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin để tự học suốt đời.

1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp làm việc ở vị trí kỹ sư tại các doanh nghiệp xây dựng, công ty tư vấn, ban quản lý dự án, viện nghiên cứu, trung tâm kiểm định đánh giá chất lượng công trình dân dụng và công nghiệp; giáo viên giảng dạy trong các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề...

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Có trình độ tiếng Anh tương đương 400 điểm TOEIC.

2. Thời gian đào tạo: 2 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 71 tín chỉ, học phần bắt buộc là Giáo dục thể chất (2 đvht) sẽ được cấp chứng chỉ riêng.

Lượng tín chỉ phân bổ cho các khối kiến thức được trình bày trong bảng sau:

STT	KHỐI KIẾN THỨC	BẮT BUỘC	TỰ CHỌN	TỔNG
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	14	2	16
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	49	6	55
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	12	2	14
2.2	Kiến thức ngành	17	4	21
2.3	Thực hành, thực tập	12		12
2.4	Đồ án tốt nghiệp	8		8
	Tổng cộng	63	8	71

4. Đối tượng đào tạo

4.1. Đối tượng tuyển sinh: người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

4.2. Môn thi tuyển đầu vào:

* Những người tốt nghiệp Cao đẳng sau thời hạn 36 tháng kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ thi lên trình độ Đại học phải dự thi 3 môn gồm:

- Môn cơ bản: Toán học;
- Môn cơ sở ngành: Cơ học đất;
- Môn chuyên ngành: Kỹ thuật thi công.

* Những người tốt nghiệp Cao đẳng chưa đủ 36 tháng kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ thi lên trình độ Đại học phải dự thi tuyển các môn văn hóa (khối thi tùy thuộc vào Chuyên ngành đào tạo) theo đề thi 3 chung trong kỳ thi tuyển sinh Đại học chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hàng năm.

5. Điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp

* Điều kiện nhập học: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

* Điều kiện tốt nghiệp: thực hiện theo:

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

- Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

6. Thang điểm

* Thang điểm 10: được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm ...) sử dụng thang điểm 10.

* Thang điểm 4: là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần (trừ học phần Giáo dục thể chất cấp chứng chỉ).

7. Nội dung chương trình

Chương trình đào tạo Đại học liên thông Công nghệ kỹ thuật công trình XD dân dụng và công nghiệp được xây dựng theo nguyên tắc so sánh giữa chương trình đào tạo bậc Đại học và chương trình đào tạo bậc Cao đẳng đang áp dụng tại Trường Đại học Công nghệ GTVT. Khối lượng kiến thức được miễn trừ trong chương trình đào tạo liên thông được Hội đồng đào tạo liên thông xem xét và Hiệu trưởng quyết định.

7.1. So sánh chương trình đào tạo trình độ Đại học và Cao đẳng

STT	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng kiến thức		
		Đại học chính quy	Cao đẳng chính quy	Đại học liên thông
I	Kiến thức giáo dục đại cương	47 TC	31 TC	16 TC
	* Học phần bắt buộc	43 TC	29 TC	14 TC
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	
6	Tiếng Anh 1	4	4	
7	Tiếng Anh 2	4		4
8	Toán 1	4	4	
9	Toán 2	3		3
10	Toán 3	4		4
11	Vật lý đại cương 1	4	3	
12	Vật lý đại cương 2	2		3
13	Hoá học đại cương	3	3	
14	Tin học đại cương	3	3	
15	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	1 đvht	1 đvht	
16	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	1 đvht	1 đvht	
17	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 đvht		1 đvht
18	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	1 đvht	1 đvht	
19	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	1 đvht		1 đvht
20	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	3 TC	3 TC	
21	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	2 TC	2 TC	
22	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3 TC	3 TC	
	* Học phần tự chọn	4 / 12 TC	2 / 4 TC	2 / 12 TC
1	Lý thuyết xác suất - thống kê	2		2
2	Môi trường trong xây dựng	2	2	2
3	Kinh tế học đại cương	2		2
4	Các phương pháp số	2		2
5	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	2	2	2
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		2

STT	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng kiến thức		
		Đại học chính quy	Cao đẳng chính quy	Đại học liên thông
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	116 TC	91 TC	55 TC
II.1	Kiến thức cơ sở ngành	47 TC	40 TC	14 TC
	* Học phần bắt buộc	43 TC	38 TC	12 TC
1	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	4	4	
2	Cơ học cơ sở	4	3	2
3	Sức bền vật liệu	4	3	2
4	Cơ học kết cấu	4	3	2
5	Thủy lực công trình	2	2	
6	Trắc địa	3	3	
7	Địa chất công trình	2	2	
8	Cơ học đất	3	3	
9	Vật liệu xây dựng	3	3	
10	Kết cấu thép	2	2	
11	Kết cấu bê tông cốt thép	3	2	2
12	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	1	1	1
13	Kết cấu gạch, đá và gỗ	2	2	
14	Nền và móng	3	2	2
15	Đồ án Nền và móng	1	1	1
16	Máy xây dựng	2	2	
	* Học phần tự chọn	4 / 12 TC	2 / 6 TC	2 / 12 TC
1	Động lực học công trình	2		2
2	Nguyên lý quy hoạch	2	2	2
3	Cơ học môi trường liên tục	2		2
4	Kỹ thuật điện công trình	2	2	2
5	Luật xây dựng	2	2	2
6	Công tác kỹ sư	2		2
II.2	Kiến thức ngành	43 TC	31 TC	21 TC
	* Học phần bắt buộc	37 TC	27 TC	17 TC
1	Tiếng Anh 3	3	3	
2	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	4	3	2
3	Đồ án Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	2		2
4	Kết cấu nhà bê tông cốt thép	3	2	2
5	Kết cấu nhà thép	3	2	
6	Đồ án Kết cấu nhà	2	1	2
7	Cấp thoát nước	2	2	
8	Kỹ thuật thi công 1	3	3	2
9	Kỹ thuật thi công 2	3	3	

STT	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng kiến thức		
		Đại học chính quy	Cao đẳng chính quy	Đại học liên thông
10	Tổ chức thi công công trình xây dựng	3	3	2
11	Đồ án Tổ chức thi công và thi công công trình xây dựng	2	1	2
12	Thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình	2	2	
13	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	3		3
14	An toàn lao động	2	2	
	* Học phần tự chọn	6 / 12 TC	4 / 8 TC	4 / 12 TC
1	Dự toán công trình	2	2	2
2	Tin học ứng dụng	2	2	2
3	Kinh tế xây dựng	2	2	2
4	Vật lý kiến trúc	2	2	2
5	Kết cấu thép đặc biệt	2		2
6	Kết cấu bê tông đặc biệt	2		2
II.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp	18 TC	16 TC	12 TC
1	Thực hành trắc địa	2	2	2
2	Thực tập Kỹ thuật thi công cơ bản	3	3	
3	Thực tập Thí nghiệm vật liệu xây dựng	1	1	3
4	Thực tập Thí nghiệm địa chất	1	1	
5	Thực tập Thí nghiệm cơ học đất	1	1	1
6	Thực tập Thí nghiệm và kiểm định công trình	2	2	2
7	Thực tập nghề nghiệp xây dựng công trình	4		
8	Thực tập tốt nghiệp	4	6	4
II.4	Đồ án tốt nghiệp	8 TC	4 TC	8 TC
1	Đồ án tốt nghiệp	8	4	8
	Tổng số	163	122	71

7.2. Tên và khối lượng các học phần

7.2.1. Kiến thức Giáo dục đại cương: Tổng số 16 TC

Bao gồm 14 TC các học phần bắt buộc (không kể Giáo dục thể chất 2 đvht) và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		14 TC
1	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4
2	Toán 2	DC1CB12	3
3	Toán 3	DC1CB13	4
4	Vật lý đại cương 2	DL1CB22	3
5	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
6	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	DC1TD05	1 đvht
	* Học phần tự chọn		2 / 12 TC
1	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB20	2
2	Môi trường trong xây dựng	DC1CB92	2
3	Kinh tế học đại cương	DC1CB81	2
4	Các phương pháp số	DC1CB96	2
5	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	DC1CB91	2
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2

7.2.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Tổng số 55 TC

7.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: Tổng số 14 TC

Bao gồm 12 TC các học phần bắt buộc và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		12 TC
1	Cơ học cơ sở	DL2CO21	2
2	Sức bền vật liệu	DL2CO25	2
3	Cơ học kết cấu	DL2CT27	2
4	Kết cấu bê tông cốt thép	DL2DD52	2
5	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	DC2DD54	1
6	Nền và móng	DL2DD33	2
7	Đồ án Nền và móng	DC2DD34	1
	* Học phần tự chọn		2 / 12 TC
1	Động lực học công trình	DC2CO28	2
2	Cơ học môi trường liên tục	DC2CO29	2
3	Kỹ thuật điện công trình	DC2CT41	2
4	Nguyên lý quy hoạch	DC2DD94	2
5	Luật xây dựng	DC2DD93	2
6	Công tác kỹ sư	DC2CB91	2

7.2.2.2. Kiến thức ngành: Tổng số 21 TC

Bao gồm 17 TC các học phần bắt buộc và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		17 TC
1	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	DL3DD41	2
2	Đồ án Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	DC3DD42	2
3	Kết cấu nhà	DL3DD43	2
4	Đồ án Kết cấu nhà	DC3DD45	2
5	Kỹ thuật thi công	DL3DD51	2
6	Tổ chức thi công công trình xây dựng	DL3DD53	2

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
7	Đồ án Tổ chức thi công và thi công công trình xây dựng	DC3DD54	2
8	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	DC3CT55	3
	* Học phần tự chọn		4 / 12 TC
1	Tin học ứng dụng	DL3DD60	2
2	Kinh tế xây dựng	DC3CT91	2
3	Dự toán công trình	DC3CT92	2
4	Vật lý kiến trúc	DC3DD71	2
5	Kết cấu thép đặc biệt	DC3DD72	2
6	Kết cấu bê tông đặc biệt	DC3DD73	2

7.2.2.3. Thực hành, thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp (20 TC bắt buộc):

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
1	Thực hành trắc địa	DL4CT11	2
2	Thực tập Thí nghiệm cơ học đất	DL4CT16	1
3	Thực tập Thí nghiệm vật liệu xây dựng	DL4DD17	3
4	Thực tập Thí nghiệm và kiểm định công trình	DL4DD22	2
5	Thực tập tốt nghiệp	DC4DD70	4
6	Đồ án tốt nghiệp	DC4DD80	8

7.3. Khung chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
I	Kiến thức giáo dục đại cương		16				
	* Học phần bắt buộc		14				
1	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4	45	30		
2	Toán 2	DC1CB12	3	45			
3	Toán 3	DC1CB13	4	60			
4	Vật lý đại cương 2	DL1CB22	3	30	30		
5	GDTC 3: Điện kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht	8	22		
6	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	DC1TD05	1 đvht	3	27		
	* Học phần tự chọn		2/12				
1	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB20	2	30			
2	Môi trường trong xây dựng	DC1CB92	2	30			
3	Kinh tế học đại cương	DC1CB81	2	30			

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
4	Các phương pháp số	DC1CB96	2	30			
5	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	DC1CB91	2	30			
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2	30			
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		55				
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		14				
	* Học phần bắt buộc		12				
1	Cơ học cơ sở	DL2CO21	2	30			
2	Sức bền vật liệu	DL2CO25	2	30			
3	Cơ học kết cấu	DL2CT27	2	30			
4	Kết cấu bê tông cốt thép	DL2DD52	2	30			
5	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	DC2DD54	1			45	
6	Nền và móng	DL2DD33	2	30			
7	Đồ án Nền và móng	DC2DD34	1			45	
	* Học phần tự chọn		2/12				
1	Động lực học công trình	DC2CO28	2	30			
2	Cơ học môi trường liên tục	DC2CO29	2	30			
3	Kỹ thuật điện công trình	DC2CT41	2	30			
4	Nguyên lý quy hoạch	DC2DD94	2	30			
5	Luật xây dựng	DC2DD93	2	30			
6	Công tác kỹ sư	DC2CB91	2	30			
II.2	Kiến thức ngành		21				
	* Học phần bắt buộc		17				
1	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	DL3DD41	2	30			
2	Đồ án Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	DC3DD42	2			90	DL3DD41
3	Kết cấu nhà	DL3DD43	2	30			
4	Đồ án Kết cấu nhà	DC3DD45	2			90	DL3DD43
5	Kỹ thuật thi công	DL3DD51	2	30			
6	Tổ chức thi công công trình xây dựng	DL3DD53	2	30			
7	Đồ án Tổ chức thi công và thi công công trình xây dựng	DC3DD54	2			90	DL3DD51 DL3DD53

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
8	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	DC3CT55	3	45			
	* Học phần tự chọn		4/12				
1	Tin học ứng dụng	DL3DD60	2	15	30		
2	Kinh tế xây dựng	DC3CT91	2	30			
3	Dự toán công trình	DC3CT92	2	30			
4	Vật lý kiến trúc	DC3DD71	2	30			
5	Kết cấu thép đặc biệt	DC3DD72	2	30			
6	Kết cấu bê tông đặc biệt	DC3DD73	2	30			
II.3	Thực hành, thực tập và đồ án tốt nghiệp		20				
1	Thực hành trắc địa	DL4CT11	2		60		
2	Thực tập Thí nghiệm cơ học đất	DL4CT16	1		30		
3	Thực tập Thí nghiệm vật liệu xây dựng	DL4DD17	3		90		
4	Thực tập Thí nghiệm và kiểm định công trình	DL4DD22	2			90	DL3DD61
5	Thực tập tốt nghiệp	DC4DD70	4			180	
6	Đồ án tốt nghiệp	DC4DD80	8			480	DC4DD70
	Tổng cộng		71				

8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ			
			I	II	III	IV
8.1	Kiến thức giáo dục đại cương	16				
1	Tiếng Anh 2	4	4			
2	Toán 2	3	3			
3	Toán 3	4		4		
4	Vật lý đại cương 2	3	3			
5	GDTC 3: Điện kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 đvht	1			
6	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	1 đvht		1		
7	Tự chọn 1	2	2			

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ			
			I	II	III	IV
8.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	55				
8.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	14				
8	Cơ học cơ sở	2		2		
9	Sức bền vật liệu	2		2		
10	Cơ học kết cấu	2			2	
11	Kết cấu bê tông cốt thép	2		2		
12	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	1		1		
13	Nền và móng	2		2		
14	Đồ án Nền và móng	1		1		
15	Tự chọn 2	2		2		
8.2.2	Kiến thức ngành	21				
16	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	2		2		
17	Đồ án Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	2		2		
18	Kết cấu nhà	2			2	
19	Đồ án Kết cấu nhà	2			2	
20	Kỹ thuật thi công	2			2	
21	Tổ chức thi công công trình xây dựng	2			2	
22	Đồ án Tổ chức thi công và thi công công trình xây dựng	2			2	
23	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	3			3	
24	Tự chọn 3	2				2
25	Tự chọn 4	2			2	
8.2.3	Thực hành, thực tập và đồ án tốt nghiệp	20				
26	Thực hành trắc địa	2				2
27	Thực tập Thí nghiệm cơ học đất	1				1
28	Thực tập Thí nghiệm vật liệu xây dựng	3				3
29	Thực tập Thí nghiệm và kiểm định công trình	2				2
30	Thực tập tốt nghiệp	4				4
31	Đồ án tốt nghiệp	8				8
	Tổng cộng	71	12	20	17	22

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo Đại học Công nghệ kỹ thuật công trình XD dân dụng và công nghiệp liên thông từ Cao đẳng thuộc ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, được xây dựng dựa trên cơ sở so sánh giữa chương trình đào tạo trình độ Đại học cho những người có bằng tốt nghiệp Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật công trình XD dân dụng và công nghiệp; người học được sử dụng kết quả học tập đã có ở trình độ Cao đẳng để học tiếp trình độ Đại học;

- Khối lượng kiến thức được miễn trừ trong chương trình đào tạo liên thông được Hội đồng đào tạo liên thông xem xét và Hiệu trưởng quyết định.

- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 7 gồm 2 phần:
 - + Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;
 - + Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;
- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.
- Tài liệu giảng dạy, học tập và tham khảo lấy theo giáo trình hoặc bài giảng chuẩn nhà trường đã biên soạn cho hệ Đại học chính quy.
- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và hướng dẫn của Trường.

HIỆU TRƯỞNG

TS. ĐỖ NGỌC VIỆN